

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 102 /TTr - UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND ngày 24 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện quy định nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất:

- a) Dự án đầu tư mua mới phương tiện xe buýt tối đa không quá 20 tỷ đồng.
- b) Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tối đa không quá 30 tỷ đồng.

2. Lãi suất hỗ trợ (*tỷ lệ %/năm*): Được tính theo hợp đồng vay vốn ký kết giữa Chủ dự án và Tổ chức tín dụng nhưng tối đa không vượt mức lãi suất cho vay cùng kỳ hạn bình quân của 04 ngân hàng: Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (ViettinBank), Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AgriBank), Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố về lãi suất cho vay theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

3. Mức hỗ trợ lãi suất:

- a) Đối với dự án đầu tư mua phương tiện xe buýt mới, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện với môi trường: Hỗ trợ 70% lãi suất.
- b) Đối với dự án đầu tư mua phương tiện xe buýt mới không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoạt động các tuyến buýt kết nối liên vùng ngoài đô thị: Hỗ trợ 50% lãi suất.
- c) Đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Hỗ trợ 50% lãi suất.
- d) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tính theo số tiền vay thực tế trong hợp đồng tín dụng và trong hạn mức vay vốn được quy định tại khoản 1 điều này; chỉ hỗ trợ lãi suất đối với chi phí lãi vay thanh toán đúng hạn cho khoản nợ vay cả gốc và lãi. Số tiền hỗ trợ sẽ giảm dần theo thời gian cam kết hoàn trả gốc vay được cụ thể trong hợp đồng vay vốn.

4. Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian vay vốn thực tế tính từ ngày bắt đầu giải ngân khoản vay theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không quá 10 năm;

5. Mỗi dự án đầu tư mua phương tiện xe buýt hoặc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt chỉ được hưởng hỗ trợ 01 (một) lần. Trong trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau cho dự án đầu tư phương tiện, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thì chủ dự án được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Hỗ trợ giá vé cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

- 1. Hỗ trợ 100% giá vé cho các đối tượng: Trẻ em dưới 06 tuổi, người cao tuổi, người có công với cách mạng, người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng.
- 2. Hỗ trợ 50% giá vé cho các đối tượng: Học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam.

Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư mua phương tiện xe buýt mới, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
3. Bãi bỏ danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 47, Mục V, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Xây dựng, Tài chính;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản và TCTHPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính; Bộ Xây dựng;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu VBQP pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Nam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân